TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-PT
Ngày: 22-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Các ngày 15 và ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Hoàng A, Trần Thị Tr, Hoàng Văn Q.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Hoàng A, sinh năm 1982 tại Sóc Trăng, tên gọi khác: Không; HKTT: Ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp 3B, xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã T), tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; giới T: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Hoàng S và bà Lê Thị Th, vợ Phạm Thị Mỹ D và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 28/12/2007 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" tại Bản án số 263/2007/HSST; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến ngày 20/9/2021 được tại ngoại. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Trần Thị Tr, sinh năm 1989 tại Nghệ An, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ấp 4, xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã T), tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân, buôn bán; trình độ văn hóa: **6**/12; giới T: Nữ; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Huy B và bà Vũ Thị Th, chồng Trần Ngọc H và có 03 người con; lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Đặng Văn Q, sinh năm 1983 tại TH3 Hóa, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Ấp C, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; giới T: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (ngày 24/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T(nay là thị xã T), tỉnh Bình Phước xử phạt 20.000.000đ về tội " Đánh bạc" tại bản án số 57/2020/HSST; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác, nhưng những người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng A là cha ruột Trần Hoàng N; Hoàng A làm công nhân tại Công ty trách nhiệm H hạn LongFa (sau đây viết gọn là Công ty) thuộc Khu công ngH H III có địa chỉ tại 3B, xã H, huyện T nên biết Nguyễn Văn H, V Thị M, Đặng Văn Q...; Hoàng A biết được một số công nhân trong Công ty có Th gia đánh bạc dưới hình thức ghi số đề được thua bằng tiền trái phép, và một số khác cần vay tiền với lãi suất cao hơn quy định nên trực tiếp cho vay tiền và nhận ghi số đề của các công nhân. Hoàng A trực tiếp ghi số đề của các công nhân còn ghi đề với V Thị M để thu lợi bất chính. Đối với M thì ngoài việc nhận ghi số đề từ Hoàng A, M trực tiếp ghi đề cho các công nhân tại Công ty rồi sau đó ghi lại một phần cho Trần Thị Tr.

Hàng ngày, căn cứ vào kết quả của các công ty xổ số kiến thiết, đài miền Bắc (sau đây viết gọn là đài), Hoàng A sử dụng tài khoản trên mạng xã hội Zalo tên "Hoàng D", điện thoại di động nhãn hiệu Realme, gắn 02 S.I.M số thuê bao là 0329.257.132 và 0969.599.747; M dụng tài khoản Zalo tên "V M", điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 5, màu bạc có gắn 02 S.I.M số thuê bao 0971.748.329, 0376.040.398 và Tr sử dụng điện thoại Iphone XS Max, màu vàng đồng số thuê bao 0975.890.839 để thực hiện việc ghi số đề, cụ thể:

1. Đối với Trần Hoàng A

1.1. Ngày 22 tháng 3 năm 2021:

Căn cứ vào kết quả xổ số của đài thành phố Hồ Chí Minh và đài Đồng Tháp, Nguyễn Thị Thu Th sử dụng tài khoản Zalo tên "TH3thao" nhắn tin vào tài khoản của Hoàng A để đánh số đề trái phép với các con số và số tiền:

- Đài thành phố Hồ Chí Minh: đánh bao lô số 042, 42 mỗi số với số tiền 2.000 đồng; đánh bao lô số 79 với số tiền 5.000 đồng; đánh đá vòng số 79, 52 với

số tiền 1.000 đồng/01 cặp số; đánh số đầu số 85 với số tiền 5.000 đồng; đánh số đuôi số 85 với số tiền 5.000 đồng và đánh bao lô số 44 với số tiền 2.000 đồng.

- Đài Đồng Tháp: đánh bao lô số 11 với số tiền 5.000 đồng.

Số tiền dùng để đánh đề mà Th phải trả cho Hoàng A là 244.000 đồng, Th không trúng nên tổng số tiền mà Hoàng A và Th sử dụng để đánh bạc vào ngày là 244.000 đồng.

1.2. Ngày 23 tháng 3 năm 2021:

Căn cứ vào kết quả xổ số của đài Bạc Liêu và Đài Vũng Tàu, Nguyễn Thị Thu Th nhắn tin cho Hoàng A đánh số đề trái phép với các số và số tiền được, thua như sau:

- Đài Bạc Liêu: đánh số đầu số 11 với số tiền 10.000 đồng; đánh số đuôi số 11 với số tiền 10.000 đồng và đánh bao lô số 11 với số tiền 5.000 đồng.

- Đài Vũng Tàu: đánh số đầu đuôi số 10, 11 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh số đầu số 35 với số tiền 15.000 đồng; đánh số đuôi số 35 với số tiền 15.000 đồng; đánh bao lô số 35 với số tiền 4.000 đồng; đánh bao lô số 59 với số tiền 2.000 đồng và đánh bao lô số 42 với số tiền 5.000 đồng.

Tổng số tiền dùng để đánh đề mà Th phải trả cho Hoàng A là 298.000 đồng. Căn cứ kết quả số số thì Th đánh trúng số 42 nên Th2 số tiền là 350.000 đồng. Tổng số tiền mà Hoàng A và Th sử dụng để đánh bạc là 648.000 đồng.

1.3. Ngày 30 tháng 5 năm 2021:

Căn cứ kết quả xổ số của đài Tiền Giang, Đặng Văn Q sử dụng số thuê bao 0978.815.224 nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A để đánh bao lô số 76 với số tiền 20.000 đồng; kết quả không trúng nên số tiền mà Hoàng A và Quyền sử dụng để đánh bạc là 280.000 đồng.

1.4. Ngày 15 tháng 6 năm 2021:

Căn cứ vào kết quả xổ số của đài Bến Tre, Phan Thành H sử dụng số thuê bao 0969.303.220 nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A ghi số đề với số tiền: đánh số 21, 32 bao lô với số tiền 20.000 đồng/01 số và đánh các số 21, 32 đầu đuôi với số tiền 25.000 đồng/01 số.

Số tiền H dùng để đánh đề là 660.000 đồng và H không trúng nên số tiền Hoàng A và H sử dụng để đánh bạc là 660.000 đồng.

1.4. Ngày 16 tháng 6 năm 2021:

Căn cứ kết quả xổ số của đài Đồng Nai và đài miền Bắc, Nguyễn Thị Thu Th sử dụng điện thoại di động có gắn S.I.M số thuê bao 0966.083.270 nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A ghi số đề với số tiền: đánh các số 45, 83, 71 bao lô đài Đồng Nai với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh số 13 bao lô đài miền Bắc với số tiền 5.000 đồng và đánh các số 32, 42 đá vòng đài miền Bắc với số tiền 5.000 đồng/01 cặp số.

Số tiền Thu Th trả cho Hoàng A là 585.000 đồng, Th trúng số 45 với số tiền là 350.000 đồng. Tổng số tiền mà Hoàng A và Thu Th sử dụng để đánh bạc là 935.000 đồng.

1.4.Ngày 17 tháng 6 năm 2021:

Căn cứ kết quả của đài Tây Ninh, đài An Giang và đài miền Bắc, Hoàng A đã nhận ghi số đề như sau:

- Phan Thành H sử dụng số thuê bao 0969.303.220 nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A ghi bao lô số 6235, 6035 của đài Tây Ninh với số tiền 5.000 đồng/01 số. Số tiền H phải trả cho Hoàng A là 140.000 đồng và H không trúng nên số tiền mà Hoàng A và H sử dụng để đánh bạc là 140.000 đồng.

- Nguyễn Thị Th mượn điện thoại gắn số thuê bao 0837.727.396 của Trần Thị Thu Tr nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A để ghi bao lô các số 28, 68, 47 của các đài Tây Ninh và đài An Giang) với số tiền 5.000 đồng/01 số. Số tiền Th phải trả cho Hoàng A là 405.000 đồng; Th trúng các số 28, 47 được 720.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng A và Th sử dụng để đánh đề là 1.125.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thu Th sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0966.083.270 nhắn tin vào số thuê bao 0329.257.132 của Hoàng A để ghi số đề của đài Tây Ninh và đài miền Bắc với số tiền: đánh bao lô số 11, 41 đài Tây Ninh với số tiền 5.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 21 đài miền Bắc với số tiền 5.000 đồng.

Số tiền Th phải trả cho Hoàng A là 260.000 đồng, Th trúng số 21 được 450.000 đồng. Tổng số tiền mà Hoàng A và Th sử dụng để đánh bạc là 710.000 đồng.

1.4. Ngày 18 tháng 6 năm 2021:

Căn cứ kết quả xổ số của các đài Bình Dương, Trà Vinh, Vĩnh Long và miền Bắc, Hoàng A đã nhận số đề của:

- Ma Đ (không xác định được lý lịch) sử dụng số thuê bao 0384.728.297 nhắn tin vào số thuê bao 0969.599.747 của Hoàng A đánh bao lô số 18 của đài Bình Dương với số tiền là 15.000 đồng; số tiền Ma Đ phải trả cho Hoàng A là 202.500 đồng. Kết quả, Ma Đ không trúng nên số tiền dùng để đánh bạc của Hoàng A và Ma Đ là 202.500 đồng.

- Nguyễn Văn H sử dụng số thuê bao 0385.262.215 để nhắn tin vào số thuê bao 0969.599.747 của Hoàng A đánh số đề với số tiền:

+ Đài miền N **(**đài Bình Dương, Trà Vinh, Vĩnh Long**)**: đánh bao lô số 35, 79 với số tiền là 200.000 đồng/01 số.

+ Đài Bình Dương: đánh bao lô số 35, 61 với số tiền là 25.000 đồng/01 số.

+ Đài miền Bắc: đánh bao lô số 17, 29, 61 với số tiền là 100.000 đồng/01 số; đánh đầu đuôi số 17 với số tiền là 300.000 đồng; đánh đá vòng số 17, 29, 61

với số tiền là 10.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 47, 74 với số tiền là 100.000 đồng/01 số và đánh đá vòng số 47, 74 với số tiền là 10.000 đồng/01 số.

Số tiền H phải trả cho Hoàng A là 33.155.000 đồng. H trúng các số 29, 47, 61 được 34.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Hoàng A và H sử dụng để đánh bạc là 67.955.000 đồng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, con trai của Trần Hoàng A là Trần Hoàng N, nói với Hoàng A là bạn của N tên T (không xác định được lý lịch) muốn đánh số đề. Hoàng A và N thống nhất với nhau N sẽ đứng ra nhận số đề do T đánh rồi chuyển những số đề đó lại cho Hoàng A để Hoàng A tổng hợp và T Th2 thua với T. Ngày 18 tháng 6 năm 2021, N đã nhận số đề của T ghi thông qua tài khoản Zalo tên "Trần Hoang N" rồi sau đó chuyển những số đề trên cho Hoàng A thông qua tài khoản Zalo tên "Hoàng D" của Hoàng A với các số và số tiền:

+ Đài Vĩnh Long: đánh số đầu các số 38, 39, 11, 18, 76 với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 78, 87, 39, 93, 78, 87 với số tiền 50.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 15 với số tiền 400.000 đồng; đánh bao lô số 15 với số tiền 100.000 đồng.

+ Đài Bình Dương: đánh bao lô các số 78, 87, 39, 93, 78, 87 với số tiền 50.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 15 với số tiền 100.000 đồng và 400.000 đồng; đánh số đầu các số 44, 96 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh số đầu các số 39, 69 với số tiền 30.000 đồng/01 số; đánh số đầu số 40 với số tiền 40.000 đồng; đánh số đầu các số 24, 92 với số tiền 50.000 đồng/01 số; đánh số đầu số 24 với số tiền 100.000 đồng; đánh số đầu số 19 với số tiền 200.000 đồng; đánh số đầu các số 43, 02 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh số đầu số 58 với số tiền 150.000 đồng; đánh số đầu số 79 với số tiền 200.000 đồng; đánh bao lô các số 02, 43 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 52, 67, 76 với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 24, 64, 29, 68, 11, 14 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 49, 69 với số tiền 20.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 79 bao đài Bình Dương với số tiền 50.000 đồng.

+ Đài miền N: đánh bao lô các số 47, 74, 07, 08, 78, 79, 20, 58, 85 với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh số đầu đuôi các số 78, 79, 20, 58, 85 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 25, 39, 43 với số tiền 10.000 đồng/01 số và đánh bao lô các số 15, 51 với số tiền 20.000 đồng/01 số.

Số tiền T phải trả cho N là 29.511.000 đồng. T trúng các số 67, 69, 49, 74, 07, 85, 39, 15 với số tiền là 6.840.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà N và T sử dụng để đánh bạc rồi N chuyển lại cho Hoàng A là 36.351.000 đồng.

Như vậy, vào các ngày 22 tháng 3, ngày 23 tháng 3, ngày 30 tháng 5, ngày 15 tháng 6, ngày 16 tháng 6, ngày 17 tháng 6 và ngày 18 tháng 6 năm 2021, Trần Hoàng A Th gia đánh bạc cùng Nguyễn Thị Thu Th, Đặng Văn Q, Phan Thành H, Nguyễn Thị Th, V Thị M, Ma Đ, Trần Hoàng N và Nguyễn Văn H với số tiền đánh bạc được xác định là 175.782.500 đồng.

Ngoài việc ghi số đề, ghi lại số đề như đã nêu trên, từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 5 năm 2021, Hoàng A còn 04 lần cho 48 công nhân Công ty vay tiền

từ 1.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với lãi suất từ 10% đến 15%/tháng, tương đương từ 120%/01 năm đến 180%/01 năm, gấp 06 đến 09 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định với tổng số tiền cho vay là 411.000.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 296.750.900 đồng và 03 người vay tiền với lãi suất từ 05% đến 08%/tháng. Khi vay tiền, người vay phải thế chấp cho Hoàng A thẻ A.T.M (Automated Teller Machine – sau đây viết gọn là thẻ) có số tài khoản ngân hàng mà người vay đăng ký để Công ty trả lương qua thẻ kèm theo mật khẩu của thẻ, giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy phép lái xe, sổ bảo hiểm xã hội và một số giấy tờ khác. Định kỳ, vào các ngày 10 và ngày 25 hàng tháng là ngày Công ty trả lương cho công nhân nên Hoàng A cũng thu lãi của những người vay tiền. Hoàng A cầm thẻ mà người vay tiền thế chấp đến trụ rút thẻ rồi sử dụng mật khẩu thẻ rút hết tiền trong tài khoản ngân hàng của những người vay tiền. Sau đó, Hoàng A T tiền lãi tương ứng với số tiền vay và mức lãi suất đã thỏa thuận khi vay rồi lấy tiền lãi. Đối với số tiền còn lại của người vay, người vay sẽ liên hệ với Hoàng A gặp tại Công ty để lấy lại. Những người vay đã trả hết tiền gốc và không có nhu cầu vay lại, Hoàng A sẽ trả lại những giấy tờ mà người vay đã thế chấp khi vay tiền. Khi cho vay tiền, Hoàng A ghi số tiền vay trực tiếp lên giấy tờ mà người vay đã thế chấp để ghi nhớ, cụ thể:

Lần thứ nhất:

Điểu Thị K: tháng 9 năm 2018, chị K vay 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Điểu Thị K. Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 02 năm 2021, chị K đã trả 29 tháng tiền lãi với số tiền là 43.500.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2021, chị K không còn đủ khả năng chi trả tiền lãi nên chị chỉ trả tiền gốc. Sau đó, chị K đã trả cho Hoàng A 5.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 38.657.000 đồng. Hiện tại, chị K còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

Lần thứ hai:

Nguyễn Thị Thu Th: tháng 10 năm 2019, chị Th vay 15.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Thu Th. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, chị Th đã trả 05 tháng tiền lãi với số tiền là 7.500.000 đồng. Sau đó, chị Th tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng với cùng lãi suất. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 3/2021, chị Th đã trả 13 tháng tiền lãi với số tiền là 39.000.000 đồng. Ngày 10 tháng 6 năm 2021, chị Th trả số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 38.734.500 đồng. Hiện tại, chị Th còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 45.000.000 đồng.

Lần thứ ba:

Trần H N: tháng 7 năm 2019, anh N vay 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh N thế chấp cho 01 thẻ ATM và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trần H N. Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, anh N đã trả 08 tháng tiền lãi với số tiền là 8.000.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2020, anh N tiếp tục vay thêm của Hoàng A 12.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng. Từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, anh N đã trả 14,5 tháng tiền lãi với số tiền

lãi là 31.900.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 33.236.700 đồng. Hiện tại, anh N còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 22.000.000 đồng.

Lần thứ tư:

(1). Đào Thị Kim L: tháng 12 năm 2020, chị L vay 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, chị L thế chấp 01 thẻ ATM và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Đào Thị Kim L. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, chị L đã trả cho Hoàng A 3,5 tháng tiền lãi với số tiền là 5.250.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2021, chị L nghỉ việc, Công ty không trả lương nên Hoàng A chỉ thu được 800.000 đồng tiền lãi thông qua việc dùng thẻ ATM của cho L đi rút tiền. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 4.665.500 đồng. Hiện tại, chị L còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

(2). Hà Thị H L1: tháng 10 năm 2019, chị L1 và bạn là Lê Thị N vay 35.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị L1 thế chấp 01 thẻ ATM và 01 Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Hà Thị H L1, chị N thế chấp cho Hoàng A 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Lê Thị N. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, chị L1 và chị N đã trả cho Hoàng A 02 tháng tiền lãi với số tiền 7.000.000 đồng. Đến tháng 01 năm 2020, chị N nghỉ việc rồi bỏ đi khỏi địa pH nên không cùng chị L1 đóng tiền lãi nữa. chị L1 đến gặp Hoàng A rồi thỏa thuận không trả lãi nữa mà trả góp hàng tháng đối với số tiền gốc. Số tiền gốc thì chị L1 và Hoàng A thỏa thuận sẽ cộng thêm 15.000.000 đồng. Hàng tháng, chị L1 sẽ trả góp cho Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 5.381.000 đồng. Hiện tại, chị L1 đã trả góp tiền gốc cho Hoàng A được 14 tháng với số tiền là 28.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 22.000.000 đồng.

(3). V Sỹ Q: tháng 11 năm 2019, anh Q vay 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh Q thế chấp 02 sổ bảo hiểm xã hội mang tên V Sỹ Q. Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 02 năm 2021, anh Q đã trả 03 tháng tiền lãi với số là 3.000.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2021, anh Q nghỉ việc nên Hoàng A không thu được tiền lãi. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 2.499.000 đồng. Hiện tại, anh Q còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

(4). SinTcH5g Hầm P: tháng 02 năm 2021, anh P vay 11.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh P thế chấp 01 thẻ ATM và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên SinTcH5g Hầm P. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh P đã trả 04 tháng tiền lãi với số tiền là 4.400.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2021, Hoàng A bị Cơ quan Công an bắt giữ nên anh P không trả tiền lãi nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 3.665.200 đồng. Hiện tại, anh P còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 11.000.000 đồng.

(5). Lâm Thị Sa T: tháng 10 năm 2018, chị T vay 18.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị T thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Lâm Thị Sa T. Từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2021, chị T đã trả 24,5 tháng tiền lãi với số tiền là 44.100.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được là 36.735.300 đồng. Hiện tại, chị T còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 18.000.000 đồng.

(6). Đào Thị Lệ Q: tháng 11 năm 2020, chị Q vay 30.000.000 đồng với lãi suất 13,3%/01 tháng, chị Q thế chấp 01 sổ hộ khẩu và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Đào Thị Lệ Q. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021, chị Q đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 12.000.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2021, do không có đủ tiền nên Q chỉ trả cho Hoàng A 2.500.000 đồng. Những tháng sau đó, chị Q thỏa thuận với Hoàng A cho nợ. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 12.496.000 đồng. Hiện tại, chị Q còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

(7). Hồ Thị H: tháng 02 năm 2020, chị H vay 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị H thế chấp 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Hồ Thị H. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, chị H đã trả 5,5 tháng tiền lãi với số tiền là 5.500.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2020, chị H nghỉ việc nên không đóng tiền lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 4.581.500 đồng. Tháng 8 năm 2020, chị H đã liên hệ và trả lại cho Hoàng A 2.000.000 đồng tiền gốc. Hiện tại, chị H còn nợ là 8.000.000 đồng.

(8). Nguyễn Thị TH3 L: tháng 4 năm 2021, chị L vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị L thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị TH3 L. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, chị L đã trả 1,5 tháng tiền lãi với số tiền là 750.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 624.750 đồng. Hiện tại, chị L còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(9). Võ Thị Thu H1: tháng 5 năm 2021, chị H1 vay 2.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị H1 thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Võ Thị Thu H1. Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, chị H1 đã trả 01 tháng tiền lãi với số tiền là 200.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 166.600 đồng. Hiện tại, chị H1 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 2.000.000 đồng.

(10). Điểu P: tháng 4 năm 2021, anh P vay 3.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh P thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu P. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh P đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 600.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 499.800 đồng. Hiện tại, anh P còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

(11). Điểu Th: tháng 02 năm 2021, Anh Th vay 6.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh Th thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu Th. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh Th đã trả 04 tháng tiền lãi với số tiền là 2.400.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.999.200 đồng. Hiện tại, anh Th còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

(12). Dương Văn H2: tháng 5 năm 2021, anh H2 vay 4.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh H2 thế chấp 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ATM mang tên Dương Văn H2. Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh H2

đã trả 1,5 tháng tiền lãi với số tiền là 600.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 499.800 đồng. Hiện tại, anh H2 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(13). Điểu N: tháng 02 năm 2021, anh N vay 4.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh N thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu N. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh N đã trả 3,5 tháng tiền lãi với số tiền là 1.400.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.166.200 đồng. Hiện tại, anh N còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(14). Nguyễn Văn H: tháng 02 năm 2021, anh H vay 4.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh H thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn H. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh H đã trả 3,5 tháng tiền lãi với số tiền là 1.400.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.166.200 đồng. Hiện tại, anh H còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(15). Ngô Thị H3: tháng 02 năm 2020, chị Hoa vay 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, chị H3 thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Ngô Thị H3. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 4 năm 2020, chị H3 đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 3.000.000 đồng. Đến tháng 5 năm 2020, do chị H3 không đủ khả năng chi trả tiền lãi với lãi suất 15% nên chị H3 đã Th thuận với Hoàng A giảm lãi suất từ 15% xuống còn 10%/01 tháng đối với số tiền mà chị H3 đã vay. Từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, chị H3 đã trả 08 tháng tiền lãi với số tiền là 8.000.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 6.664.000 đồng. Hiện tại, chị H3 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

(16). Điểu Thị Vân A1: tháng 12 năm 2020, chị Vân A1 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, chị Vân A1 thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu Thị Vân A1. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 5 năm 2021, chị Vân A1 đã trả 05 tháng tiền lãi với số tiền là 2.500.000 đồng. Đến cuối tháng 5 năm 2021, chị Vân A1 tiếp tục vay thêm 1.000.000 đồng cũng bằng lãi suất 10%/01 tháng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 2.082.500 đồng. Hiện tại, chị Vân A1 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

(17). Nguyễn TH3 B: tháng 6 năm 2019, anh B vay 6.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, anh B thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn TH3 B. Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019, anh B đã trả 6.000.000 đồng tiền gốc và 01 tháng tiền lãi với số tiền là 600.000 đồng. Đến tháng 7 năm 2019, anh B tiếp tục vay 3.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng. Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019, anh B đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 900.000 đồng. Đến tháng 11 năm 2019, anh B nghỉ việc nên không trả lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.249.500 đồng. Hiện tại, anh B còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

(18). Nguyễn Ngọc G: tháng 8 năm 2019, chị G vay 3.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, chị G thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Ngọc G. Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019, chị G đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 1.350.000 đồng. Sau đó, chị G trả lại 3.000.000 đồng tiền gốc cho Hoàng A. Đến tháng 6 năm 2020, chị G vay 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng. Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 9 năm 2020, chị G đã trả 2,5 tháng tiền lãi với số tiền là 1.875.000 đồng. Đến tháng 9 năm 2020, chị G tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng. Chị G trả được 0,5 tháng tiền lãi với số tiền là 1.500.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 9 năm 2020, chị G trả cho Hoàng A 5.000.000 đồng tiền gốc. Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, chị G trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 1.500.000 đồng. Cuối tháng 12 năm 2020, chị G nghỉ việc nên không trả tiền lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 4.865.450 đồng. Hiện tại, chị G còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(19). Thị Th1: tháng 9 năm 2020, chị Th1 vay 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, chị Th1 thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Thị Th1. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, chị Th1 đã trả 8,5 tháng tiền lãi với số tiền là 12.750.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 11.330.500 đồng. Hiện tại, chị Th1 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

(20). Thị H3: tháng 5 năm 2021, chị H3 vay 4.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Thị H3. Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, chị H3 đã trả 0,5 tháng tiền lãi với số tiền là 200.000 đồng. Cùng thời gian trên, chị H3 trả cho Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó, chi H3 tiếp tục trả 0,5 tháng tiền lãi của 2.000.000 đồng tiền gốc mà chị H3 còn lại là 100.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 249.900 đồng. Hiện tại, chị H3 không còn nợ Hoàng A.

(21). Lý Thị Mỹ L: tháng 11 năm 2020, chị L vay 1.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Lý Thị Mỹ L. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, chị L đã trả 01 tháng tiền lãi với số tiền là 100.000 đồng. Đến tháng 12 năm 2020, L vay thêm 1.000.000 đồng với cùng lãi suất. Từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, L trả lãi được 01 tháng với số tiền là 200.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2021, L tiếp tục vay thêm 3.000.000 đồng với cùng lãi suất. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, L trả lãi được 4,5 tháng với số tiền là 2.250.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 2.124.150 đồng. Hiện tại, chị L còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(22). Nguyễn Đình Th2: tháng 9 năm 2020, anh Th2 vay 4.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Đình Th2. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, anh Th2 đã trả 09 tháng tiền lãi với số tiền là 5.400.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 4.798.800 đồng. Hiện tại, anh Th2 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(23). Trịnh Xuân H4: tháng 02 năm 2021, anh H4 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp cho 01 thẻ ATM mang tên Trịnh Xuân H4. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh H4 đã trả 3,5 tháng tiền lãi với số tiền là 1.750.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.457.750 đồng. Hiện tại, anh H4 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(24). Điểu D: tháng 02 năm 2021, anh D vay 4.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu D. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh D đã trả 3,5 tháng tiền lãi với số tiền lãi là 1.400.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.166.200 đồng. Hiện tại, anh D còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(25). Nguyễn Thị C: tháng 4 năm 2020, chị C vay 3.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị C. Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020, chị C đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 600.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2020, chị C vay thêm 2.000.000 đồng cùng lãi suất. Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, chị C đã trả 04 tháng tiền lãi với số tiền là 2.000.000 đồng. Đến tháng 10 năm 2020, chị C vay thêm 5.000.000 đồng cùng lãi suất 10%/01 tháng. Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, chị C đã trả 7,5 tháng tiền lãi với số tiền là 7.500.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 8.413.300 đồng. Hiện tại, chị C còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

(26). Nguyễn Thị Kim N: tháng 7 năm 2020, chị N vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Kim N. Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 8 năm 2020, chị N đã trả 0,5 tháng tiền lãi với số tiền là 250.000 đồng và trả hết số tiền gốc cho Hoàng A. Hiện tại, chị N không còn nợ Hoàng A.

(27). Điểu Đ: tháng 6 năm 2019, anh Đ vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Điểu Đ. Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020, anh Đ đã trả 09 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2020, anh Đ nghỉ việc và không đóng tiền lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 3.748.500 đồng. Hiện tại, anh Đ còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(28). Đặng Danh H5: tháng 02 năm 2019, anh H5 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Đặng Danh H5. Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 4 năm 2019, anh H5 đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 1.500.000 đồng. Tháng 4 năm 2019, anh H5 vay thêm 5.000.000 đồng với cùng lãi suất. Sau đó, anh H5 trả hết số tiền gốc 10.000.000 đồng cho Hoàng A. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.333.000 đồng. Hiện tại, anh H5 không còn nợ tiền Hoàng A.

(29). Mã Văn D1: tháng 7 năm 2020, anh D1 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Mã Văn D1. Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, anh D1 đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 1.500.000 đồng. Đến cuối tháng 10 năm 2020, anh D1 nghỉ việc, Công ty không

trả lương nữa nên Hoàng A không thu được tiền lãi. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.249.500 đồng. Hiện tại, anh D1 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(30). Hoàng Thị M: tháng 02 năm 2019, chị M vay 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Hoàng Thị M. Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 06 năm 2020, chị M đã trả 15 tháng tiền lãi với số tiền là 11.250.000 đồng. Đến cuối tháng 6 năm 2020, chị M nghỉ việc, Công ty không trả lương nữa nên Hoàng A không thu được tiền lãi. Chị M đã trả cho Hoàng A số tiền 2.500.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 9.997.500 đồng. Hiện tại, chị M còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 2.500.000 đồng.

(31). Nguyễn Kiều T: tháng 6 năm 2020, chị T vay 6.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Kiều T. Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 9/2020, chị T đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền 2.700.000 đồng. Đến cuối tháng 9 năm 2020, chị T nghỉ việc, Công ty không trả lương nữa nên Hoàng A không thu được tiền lãi. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 2.399.400 đồng. Hiện tại, chị T còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

(32). Điểu B: tháng 5 năm 2021, anh B vay 3.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Điểu B. Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, anh B đã trả 01 tháng tiền lãi với số tiền là 300.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 249.900 đồng. Hiện tại, anh B còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

(33). Nguyễn Thị Tú O: tháng 4 năm 2021, chị O vay 2.500.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Tú O. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, chị O đã trả 2,5 tháng tiền lãi với số tiền là 625.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 520.625 đồng. Hiện tại, chị O còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 2.500.000 đồng.

(34). Đoàn Thị Ngọc A: tháng 8 năm 2018, chị Ngọc A vay 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Đoàn Thị Ngọc A. Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019, chị Ngọc A đã trả 12 tháng tiền lãi với số tiền là 9.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2019, chị Ngọc A và Hoàng A thống nhất chỉ trả tiền gốc. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 7.998.000 đồng. Hiện tại, chị Ngọc A còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(35). Thị H5: tháng 8 năm 2020, chị H5 vay 8.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Thị H5. Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021, chị H5 đã trả 08 tháng tiền lãi với số tiền là 6.400.000 đồng. Tháng 3 năm 2021, chị H5 nghỉ việc tạo Công ty nên không trả tiền lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 5.331.200 đồng. Hiện tại, chị H5 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 8.000.000 đồng.

(36). Nguyễn Thị Mỹ H6: tháng 02 năm 2021, chị H6 vay 4.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Mỹ H6. Cuối tháng 3 năm 2021, chị H6 tiếp tục vay thêm số tiền 2.500.000 đồng. Giữa tháng 4 năm 2021, chị H6 tiếp tục vay thêm số tiền 3.500.000 đồng. Đầu tháng 5

năm 2021, chị H6 tiếp tục vay thêm số tiền 3.000.000 đồng. Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021, chị H6 đã trả số tiền lãi là 4.537.500 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 4.032.325 đồng. Hiện tại, chị H6 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 13.000.000 đồng.

(37). Phạm Thị Mỹ L1: tháng 5 năm 2021, chị L1 vay 2.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thị Mỹ L1. Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021, chị L1 đã trả 01 tháng tiền lãi với số tiền là 200.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 166.600 đồng. Hiện tại, chị L1 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 2.000.000 đồng.

(38). Lương TH3 P: tháng 5 năm 2021, anh P vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương TH3 P. Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021, anh P đã trả 1,5 tháng tiền lãi với số tiền là 750.000 đồng. Như vậy, s Hoàng A thu lợi bất chính được 624.750 đồng. Hiện tại, anh P còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(39). Lê Bá Th: tháng 3 năm 2020, anh Th vay 3.000.000 đồng với lãi suất 13,33%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Bá Th. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2020, anh Th đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 800.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2020, anh Th nghỉ làm việc tại Công ty nên trả cho Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 699.800 đồng. Hiện tại, anh Th còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 1.000.000 đồng.

(40). Điểu D2: tháng 10 năm 2020, anh D2 vay 4.500.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Điểu D2. Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021, anh D2 đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 1.350.000 đồng. Tháng 02 năm 2021, anh D2 nghỉ việc tại Công ty nên không trả tiền lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.124.550 đồng. Hiện tại, anh D2 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.500.000 đồng.

(41). Phạm Hoàng V: tháng 6 năm 2018, anh V vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Hoàng V. Từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2021, anh V đã trả 36 tháng tiền lãi với số tiền là 18.000.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 14.994.000 đồng. Hiện tại, anh V nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(42). Điểu Nhi H6: tháng 4 năm 2021, anh H6 vay 3.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Điểu Nhi H6. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2021, anh H6 đã trả 02 tháng tiền lãi với số tiền là 600.000 đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 499.800 đồng. Hiện tại, anh H6 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

(43). Phạm Thị H7: tháng 3 năm 2021, chị H7 vay 5.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn H. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021, chị H8 đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 2.250.000

đồng. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.999.500 đồng. Hiện tại, chị H8 còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

(44). Nguyễn Thị Ngọc S: tháng 9 năm 2020, chị S vay 3.000.000 đồng với lãi suất 15%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Chung Quang H9. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, chị S đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 1.350.000 đồng. Đến tháng 12 năm 2020, chị Sang đã trả hết số tiền gốc 3.000.000 đồng cho Hoàng A nhưng chưa lấy lại thẻ ATM. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 1.199.700 đồng. Hiện tại, chị S không còn nợ tiền Hoàng A.

(45). Thị N: tháng 9 năm 2020, chị N vay 7.000.000 đồng với lãi suất 10%/01 tháng, thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Minh Stroong Chang Srai. Đến tháng 11 năm 2020, chị N tiếp tục thế chấp 01 thẻ ATM mang tên Minh Dona Chang Srai để vay Hoàng A thêm 10.000.000 đồng cùng với lãi suất 10%/01 tháng. Tuy nhiên, khoảng 03 ngày sau thì chị N trả lại số tiền 10.000.000 đồng nên Hoàng A không thu tiền lãi. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, chị N đã trả 07 tháng tiền lãi với số tiền là 4.900.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2021, chị N nghỉ việc tại công ty nên không trả lãi cho Hoàng A nữa. Như vậy, Hoàng A thu lợi bất chính được 4.081.700 đồng. Hiện tại, chị N còn nợ Hoàng A 7.000.000 đồng.

Ngoài ra, Hoàng A còn cho 03 người vay tiền với lãi suất hàng tháng từ 05% đến 08%, cụ thể như sau:

(46). Nguyễn Thúy P: tháng 9 năm 2020, chị P vay 4.000.000 đồng với lãi suất 05%/01 tháng, thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ mang tên Nguyễn Thúy P. Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, chị P đã trả 06 tháng tiền lãi với số tiền à 1.200.000 đồng. Hiện tại, chị P còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

(47). Đinh Thị T: năm 2018, chị T vay 6.000.000 đồng với lãi suất 06%/01 tháng. Từ năm 2018 đến năm 2020, chị T đã trả 24 tháng tiền lãi với số tiền là 8.400.000 đồng. Sau đó, chị T không đóng tiền lãi cho Hoàng A nữa. Hiện tại, chị P còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

(48). Trần Thị Kim H: tháng 3 năm 2021, chị H vay 10.000.000 đồng với lãi suất 08%/01 tháng, thế chấp 01 sổ bảo hiểm xã hội và 01 thẻ mang tên Trần Thị Kim H. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021, chị H đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 2.400.000 đồng. Hiện tại, chị H còn nợ Hoàng A số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

2. Đối với Vũ Thị M:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2021, M nhận ghi số đề cho các công nhân tại Công ty, cụ thể như sau:

2.1.Ngày 27 tháng 5 năm 2021:

Căn cứ vào kết quả xổ số các đài Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận và miền Bắc, Trần Thị Ngọc H6 sử dụng số thuê bao 0869.667.346 nhắn tin vào số thuê bao 0376.040.398 của M đánh số đề với số tiền:

- Đài Tây Ninh: đánh xỉu chủ số 723 với số tiền 100.000 đồng; đánh bao lô số 02, 16, 61 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh đá vòng số 32, 76 với số tiền 3.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô số 367 với số tiền 4.000 đồng; đánh bao lô số 75 với số tiền 5.000 đồng và đánh bao lô số 71 với số tiền 5.000 đồng.

- Đài Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận: đánh bao lô số 50, 70 với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 007, 004 với số tiền 1.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 93, 75, 70 với số tiền 2.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 75 với số tiền 2.000 đồng.

- Đài miền Bắc: đánh số đầu đuôi số 50 với số tiền 55.000 đồng; đánh bao lô số 50 với số tiền 22.000 đồng; đánh số đầu đuôi số 17, 71, 47, 48 với số tiền 15.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 17, 71, 47, 48 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 11, 77 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 444 với số tiền 1.000 đồng; đánh bao lô các số 64, 46, 04 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh đá vòng số 64, 46, 04 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô các số 19, 91 với số tiền 3.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 49, 71, 30 với số tiền 4.000 đồng/01 số; đánh đá vòng số 49, 71, 30 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô các số 05, 45 với số tiền 3.000 đồng/01 số và đánh bao lô các số 007, 004, 00 với số tiền 2.000 đồng/01 số.

Số tiền H6 phải trả cho M là 4.856.000 đồng. H6 trúng các số 05, 47, 71, 75, 77 với số tiền 1.485.000 đồng. Tổng số tiền mà M và H6 sử dụng để đánh bạc là 6.341.000 đồng.

2.1.1. Ngày 28 tháng 5 năm 2021:

Trần Thị Ngọc H6 sử dụng số thuê bao 0869.667.346 nhắn tin vào số thuê bao 0376.040.398 của M để ghi xỉu chủ số 723 của đài Bình Dương với số tiền là 100.000 đồng. Số tiền H6 trả cho M là 160.000 đồng. Kết quả thì H6 không trúng nên số tiền M và H6 sử dụng để đánh bạc là 160.000 đồng.

2.1. Ngày 08 tháng 6 năm 2021:

Lê Thị Th sử dụng tài khoản Zalo tên "Th Lê" được đăng ký bằng số thuê bao 0353.752.133 nhắn tin vào tài khoản Zalo "V M" của M để bao lô số 72 của 03 đài miền N là đài Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu với số tiền 100.000 đồng. Số tiền Th trả cho M là 3.900.000 đồng. Kết quả là Th không trúng nên tổng số tiền M, Th đánh bạc là 3.900.000 đồng.

2.1. Ngày 10 tháng 6 năm 2021:

Lê Thị Th sử dụng tài khoản Zalo tên "Th Lê" được đăng ký bằng số thuê bao 0353.752.133 nhắn tin vào tài khoản Zalo "V M" của M để bao lô số 99 của đài Tây Ninh với số tiền là 100.000 đồng. Số tiền Th trả cho M là 1.300.000 đồng. Căn cứ kết quả thì Th không trúng nên số tiền M, Th dùng để đánh bạc là 1.300.000 đồng.

2.1. Ngày 17 tháng 6 năm 2021:

- Đối với Trần Hoàng A: căn cứ kết quả của đài Tây Ninh, Hoàng A sử dụng số thuê bao 0329.257.132 nhắn tin vào số thuê bao 0376.404.398 của M đánh số đề với số tiền: đánh bao lô các số 30, 70 với số tiền 440.000 đồng/01 số và đánh đá vòng các số 30, 70 với số tiền 60.000 đồng/01 cặp.

Số tiền Hoàng A phải trả cho M là 13.300.000 đồng, Hoàng A không trúng số đề nên tổng số tiền mà M và Hoàng A sử dụng Th gia đánh bạc là 13.300.000 đồng.

- Đối với Trần Thị Ngọc H6: căn cứ vào kết quả đài miền N (đài Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận) và đài miền Bắc, H6 sử dụng số thuê bao 0976.197.597 nhắn tin vào số thuê bao 0376.040.398 của M đánh số đề với số tiền:

+ Đài Tây Ninh: đánh xỉu chủ số 723 với số tiền 100.000 đồng; đánh bao lô số 183 với số tiền 1.000 đồng và đánh bao lô số 23 với số tiền 25.000 đồng.

+ Đài miền Bắc: đánh số đầu đuôi số 21 với số tiền 50.000 đồng; đánh bao lô số 21 với số tiền 20.000 đồng; đánh bao lô các số 39, 93 với số tiền 1.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 02, 20, 44 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh số đầu đuôi số 50 với số tiền 50.000 đồng; đánh bao lô số 50 với số tiền 20.000 đồng; đánh đá vòng số 22, 88, 44 với số tiền 1.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 22, 88, 44 với số tiền 2.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 003 bao lô với số tiền 2.000 đồng.

+ Đài Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận: đánh bao lô số 70 với số tiền 2.000 đồng.

Số tiền H6 phải trả cho M là 2.588.000 đồng. H6 trúng các số 02, 21, 39 được 2.116.000 đồng. Tổng số tiền mà M và H6 sử dụng để đánh là 4.704.000 đồng.

2.1. Ngày 18 tháng 6 năm 2021:

- Đối với Trần Hoàng A: căn cứ kết quả của đài Bình Dương và đài miền Bắc, Hoàng A sử dụng số thuê bao 0329.257.132 nhắn tin vào số thuê bao 0376.404.398 của M đánh số đề với số tiền:

+ Đài Bình Dương: đánh bao lô các số 29, 69, 47, 93 với số tiền 100.000 đồng/01 số và đánh đá vòng các số 29, 69, 47, 93 với số tiền 10.000 đồng/01 cặp.

+ Đài miền Bắc: đánh bao lô các số 74, 19, 69, 38 với số tiền 100.000 đồng/01 số và đánh đá vòng số 74, 19, 69, 38 với số tiền 10.000 đồng/01 cặp.

Số tiền Hoàng A phải trả cho M là 20.332.000 đồng. Hoàng A đánh trúng các số 69, 19, 38 được 32.900.000 đồng nên tổng số tiền mà M và Hoàng A sử dụng để đánh bạc là 53.232.000 đồng.

- Đối với Trần Thị Ngọc H6: dựa vào kết quả của các đài miền N (đài Bình Dương, Vĩnh Long, Trà Vinh) và đài miền Bắc, Hảo sử dụng số thuê bao

0869.667.346 nhắn tin vào số thuê bao 0376.040.398 của M đánh số đề với số tiền:

+ **Đài Bình Dương:** đánh xỉu chủ số 496, 723 với số tiền 100.000 đồng/01 số; đánh số đá các số 51, 16 với số tiền 1.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 71, 51 với số tiền 5.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 16 với số tiền 7.000 đồng.

+ **Đài miền N**: đánh bao lô số 35 với số tiền 3.000 đồng.

+ **Đài miền Bắc:** đánh số đầu đuôi số 89 với số tiền 50.000 đồng; đánh bao lô số 89 với số tiền 20.000 đồng; đánh số đầu đuôi số 29 với số tiền 10.000 đồng; đánh bao lô số 29 với số tiền 2.000 đồng; đánh bao lô các số 57, 57 với số tiền 2.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 98 đài với số tiền 2.000 đồng và đánh bao lô các số 88, 44 đài với số tiền 4.000 đồng/01 số.

Số tiền H6 phải trả cho M là 1.808.000 đồng. H6 đánh trúng số 29 được 184.000 đồng. Tổng số tiền mà M và H6 sử dụng ghi số đề là 1.992.000 đồng.

- Đối với Lê Thị X: dựa vào kết quả của các đài miền N (đài Bình Dương, Vĩnh Long, Trà Vinh) và đài miền Bắc, X sử dụng số thuê bao 0358.932.784 nhắn tin vào số thuê bao 0971.748.329 và số thuê bao 0376.040.398 của M đánh số đề với số tiền:

+ **Đài Bình Dương:** đánh bao lô số 68 với số tiền 2.000 đồng và đánh bao lô các số 61, 07, 08 với số tiền 20.000 đồng/01 số.

+ **Đài miền Nam**: đánh bao lô số 93, 39 với số tiền 20.000 đồng/01 số.

+ **Đài miền Bắc:** đánh bao lô các số 44, 02, 42, 94 với số tiền 30.000 đồng/01 số; đánh đá vòng số 42, 24, 45, 54 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô các số 42, 24 với số tiền 5.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 22 với số tiền 5.000 đồng.

Số tiền X phải trả cho M là 5.820.500 đồng. X đánh trúng các số 07, 39, 94 với số tiền là 5.680.000 đồng. Tổng số tiền mà M và X sử dụng để ghi số đề là 11.500.500 đồng.

Như vậy, vào các ngày 27 tháng 5, ngày 28 tháng 5, ngày 08 tháng 6, ngày 10 tháng 6, ngày 17 tháng 6 và ngày 18 tháng 6 năm 2021, Vũ Thị M tham gia ghi số đề cùng Hoàng A, Ngọc H6, X, Th và Tr với số tiền dùng để đánh bạc là 234.661.500 đồng.

2. Đối với Trần Thị Tr:

Biết được Vũ Thị M có nhận ghi số đề của những công nhân tại Công ty nên Tr gọi điện thoại cho M nói M chia lại một phần số đề mà M đã nhận ghi thì M đồng ý, cụ thể như sau:

3.1. Ngày 17 tháng 6 năm 2021:

- Đài Tây Ninh: Đánh xỉu chủ số 723 với số tiền 100.000 đồng; đánh đá vòng số 30, 70 với số tiền 60.000 đồng/01 cặp đá; đánh bao lô các số 30, 70 với số tiền 420.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 23 với số tiền 5.000 đồng và đánh bao lô các số 79, 97 với số tiền 4.000 đồng/01 số.

- **Đài Bình Thuận**: đánh bao lô các số 79, 97 với số tiền 20.000 đồng/01 số.

- **Đài Tây Ninh, An Giang**: đánh bao lô các số 79, 97 với số tiền 25.000 đồng/01 số.

- **Đài miền N**: đánh bao lô số 561 với số tiền 5.000 đồng; đánh bao lô các số 69, 99 với số tiền 65.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 96 với số tiền 20.000 đồng và đánh bao lô số 68 với số tiền 10.000 đồng.

- **Đài miền Bắc**: đánh bao lô các số 99, 66, 69, 44 với số tiền 60.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 19, 79, 44, 96, 53, 92 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 44 với số tiền 10.000 đồng; đánh số đầu đuôi số 50 với số tiền 50.000 đồng; đánh số đầu đuôi số 21 với số tiền 50.000 đồng; đánh đá vòng các số 57, 75 với số tiền 10.000 đồng/01 cặp; đánh số đầu đuôi các số 57, 75 với số tiền 20.000 đồng/01 số; đánh đá vòng các số 64, 38 với số tiền 3.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 69, 38 với số tiền 2.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô số 69 với số tiền 15.000 đồng; đánh bao lô số 44 với số tiền 10.000 đồng; đánh đá vòng các số 57, 57, 38 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp; đánh đá vòng các số 57, 22 với số tiền 2.000 đồng/01 cặp; đánh bao lô số 22 với số tiền 10.000 đồng; đánh bao lô các số 46, 64 với số tiền 10.000 đồng/01 số; đánh bao lô số 38 với số tiền 15.000 đồng; đánh bao lô số 66 với số tiền 15.000 đồng; đánh đá vòng các số 22, 88, 44 với số tiền 1.000 đồng; đánh bao lô các số 22, 88, 44 với số tiền 2.000 đồng; đánh bao lô số 003 với số tiền 1.000 đồng và đánh bao lô số 22 với số tiền 10.000 đồng.

Số tiền M phải trả cho Tr là 33.303.000 đồng. M đánh trúng các số 97, 79, 96, 68, 66, 92 với số tiền là 35.500.000 đồng. Tổng số tiền mà M và Tr sử dụng để đánh bạc là 68.803.000 đồng.

3.2. Ngày 18 tháng 6 năm 2021:

Dựa vào kết quả của các đài miền N (Bình Dương, Vĩnh Long, Trà Vinh) và đài miền Bắc, Tr đã nhận số đề của M, cụ thể:

- **Đài miền N:** đánh bao lô các số 93, 39, 21 với số tiền 20.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 28, 30 với số tiền 10.000 đồng/01 số và đánh bao lô các số 24, 61 với số tiền 5.000 đồng/01 số.

- **Đài Bình Dương:** đánh xỉu chủ các số 496, 723 với số tiền 100.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 29, 69, 47, 93 với số tiền 80.000 đồng/01 số; đánh đá vòng các số 29, 69, 47, 93 với số tiền 10.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 55, 69, 32 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 51, 16 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh bao lô các số 51, 16 với số tiền 3.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 07, 08 với số tiền 10.000 đồng/01 số và đánh bao lô số 61 với số tiền 20.000 đồng.

- **Đài miền Bắc:** đánh bao lô các số 74, 19, 69, 38 với số tiền 75.000 đồng/01 số; đánh đá vòng các số 74, 19, 69, 38 với số tiền 10.000 đồng/01 cặp đá; đánh số đầu đuôi số 89 với số tiền 50.000 đồng; đánh bao lô các số 44, 02, 42, 94

với số tiền 20.000 đồng/01 số; đánh đá vòng các số 75, 24 với số tiền 2.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 57, 24 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 75, 98 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 75, 89 với số tiền 2.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng các số 76, 89, 33 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh bao lô các số 18, 81 với số tiền 80.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 24, 42 với số tiền 100.000 đồng/01 số; đánh bao lô các số 42, 24 với số tiền 5.000 đồng/01 số; đánh đá vòng các số 42, 24, 38, 54 với số tiền 1.000 đồng/01 cặp đá; đánh bao lô số 44 với số tiền 90.000 đồng; đánh bao lô số 42 với số tiền 10.000 đồng; đánh đá vòng các số 71, 33, 75 với số tiền 2.000 đồng/01 cặp đá; đánh đá vòng số 75, 33 với số tiền 3.000 đồng/01 cặp đá; đánh bao lô số 75 với số tiền 20.000 đồng; đánh bao lô số 57 với số tiền 7.000 đồng và đánh bao lô số 33, 71, 17 với số tiền 3.000 đồng/01 số.

Số tiền mà M phải trả cho Tr là 37.329.000 đồng. M đánh trúng các số 69, 07, 39, 21, 38, 19, 94, 54 với số tiền là 32.100.000 đồng. Tổng số tiền mà M và Tr sử dụng để đánh bạc là 69.429.000 đồng.

Như vậy, vào các ngày 17 tháng 6 và ngày 18 tháng 6 năm 2021, Trần Thị Tr ghi số đề cho M với số tiền đánh bạc là 138.232.000 đồng.

Về cách thức đánh và ghi số đề, cách thức T và mức độ Th2 thua:

Người đánh đề và người ghi số đề căn cứ vào kết quả sổ số của các đài sổ số kiến thiết miền N (sau đây viết gọn là đài miền N) và đài sổ số kiến thiết miền Bắc (sau đây gọn là đài miền Bắc) để tiến hành cá cược Th2 thua bằng tiền với nhau.

Đài miền N gồm: thứ 2 có đài thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cà Mau; thứ 3: Đài Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu; thứ 4: đài Đồng Nai, Cần Thơ, Sóc Trăng; thứ 5: đài Tây Ninh, An Giang, Bình Thuận; thứ 6: đài Bình Dương, Vĩnh Long, Trà Vinh; thứ bảy: đài thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang và Chủ nhật: đài Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt.

Đối với Đài Miền Bắc: hàng ngày, chỉ có Đài sổ số kiến thiết Thủ Đô mở thưởng.

Người đánh đề đánh một số bất kỳ để người ghi đề nhận theo các hình thức ghi số đề sau:

- Hình thức đánh bao lô 02 con số: người đánh đề chọn bất kỳ "02 con số cuối cùng" của 18 lô giải thưởng đối với đài miền Nam hoặc 27 lô giải thưởng đối với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng có 02 con số cuối cùng trùng với 02 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề. Ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh bao lô 03 con số: người đánh đề chọn bất kỳ "03 con số cuối cùng" của 17 lô giải thưởng đối với đài miền N hoặc 23 lô giải thưởng đối

với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng có 03 con số cuối cùng trùng với 03 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh bao lô 04 con số: người đánh đề chọn bất kỳ "04 con số cuối cùng" của 16 lô giải thưởng đối với đài miền N hoặc 20 lô giải thưởng đối với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng có 04 con số cuối cùng trùng với 04 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh số đầu: người đánh đề chọn "02 con số cuối cùng của 01 lô giải tám đối với đài miền N hoặc 04 lô giải bảy đối với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng có 02 con số cuối cùng trùng với 02 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh số đuôi: người đánh đề chọn 02 con số cuối cùng của lô giải đặc biệt của đài miền N hoặc lô giải đặc biệt của đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng của giải đặc biệt có 02 con số cuối cùng trùng với 02 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh đầu - đuôi: người đánh đề chọn "02 con số cuối cùng của 01 lô giải tám và lô giải đặc biệt" đối với đài miền N hoặc 04 lô giải bảy và lô giải đặc biệt đối với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng như đã nêu trên có 02 con số cuối cùng trùng với 02 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh xỉu chủ: người ghi đề chọn 03 con số cuối cùng của 17 lô giải thưởng đối với đài miền N hoặc 23 lô giải thưởng đối với đài miền Bắc. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Nếu kết quả mở thưởng có một hay nhiều lô giải thưởng như đã nêu trên có 03 con số cuối cùng trùng với 03 con số mà người đánh đề đã đánh thì người đánh đề trúng đề, ngược lại thì không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

- Hình thức đánh "số đá": là đánh tối thiểu 02 số và tối đa 04 số có 02 con số cuối cùng của 18 lô giải thưởng đối với đài miền N hoặc 27 lô giải thưởng đối

với đài miền Bắc. Nếu đánh 02 số sẽ tạo thành 01 cặp, 03 số sẽ tạo thành 03 cặp, 04 số sẽ tạo thành 06 cặp. Người đánh đề phải trả số tiền đánh đề theo số tiền mà người nhận ghi đề quy định. Kết quả mở thưởng phải có ít nhất 02 số mà người đánh đề đã đánh trùng với các lô giải thưởng thì người đánh đề mới trúng đề. Ngược lại, nếu chỉ trùng 01 số hoặc không có số nào trùng với các lô giải thưởng thì người đánh đề không trúng đề. Số tiền trúng đề sẽ được T theo tỷ lệ ăn thua mà người đánh đề và người nhận ghi đề thỏa thuận với nhau.

Với cách thức đánh và ghi số đề, cách thức T và mức độ Th2 thua như đã nêu trên. Trần Hoàng A, V Thị M, Trần Thị Tr, Trần Hoàng N, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Q, Trần Thị Ngọc Hảo, Lê Thị X và các đối tượng Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Thu Th, Phan Thành H, Lê Thị Th, và người có biệt danh "Ma Đ", thỏa thuận giá và tỷ lệ Th2 thua như đã thể hiện tại các Bảng tỉnh tỷ lệ Th2 thua đã lập trong quá trình điều.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T(nay là thị xã T), tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng A phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội "Đánh bạc"; bị cáo Trần Thị Tr, Đặng Văn Q phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 06 (sáu) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng A 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Hoàng A phải chấp hành hình phạt của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn T từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 18/6/2021 đến ngày 20/9/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 50, 58, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn T từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn T từ ngày bắt thi hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 các bị cáo Trần Hoàng A, Đặng Văn Q có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Vào ngày 01/3/2023 các bị cáo có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022 bị cáo Trần Thị Tr có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên toà các bị cáo Trần Hoàng A, Đặng Văn Q vắng mặt nhưng trước đó các bị cáo đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Căn cứ vào Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tr thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định và xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Hoàng A, Đặng Văn Q. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Tr, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T(nay là thị xã T), tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Hoàng A, Trần Thị Tr, Đặng Văn Q được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo Trần Hoàng A, Đặng Văn Q vắng mặt nhưng trước đó đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt cho Toà án và đồng thời có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút toàn bộ kháng cáo do các bị cáo tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Tr thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Thị Tr phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Tr, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình

điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, là công nhân có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo hiện đang phải trực tiếp nuôi 03 người con còn nhỏ trong đó có 01 người con dưới 36 tháng tuổi, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng và xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm Quyết định thuận tình ly hôn giữa bị cáo và chồng, bị cáo hiện đang trực tiếp nuôi 03 con còn quá nhỏ và hiện bị cáo và các con đang phải sinh sống tại phòng trọ, thu nhập không ổn định (có xác nhận của chính quyền địa pH). Trong vụ án bị cáo không phải là người khởi xướng, rủ rê, bị cáo chỉ hưởng lợi do nhận lại phơi đề từ bị cáo M, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, cho bị cáo được hưởng án treo không ảnh hưởng đến an ninh xã hội mà vẫn đảm bảo được T răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội, do đó cần chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Tr.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Hoàng A, Đặng Văn Q.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Tr.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện T(nay là thị xã T), tỉnh Bình Phước;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tr phạm tội "*Đánh bạc"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 58, 54, 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm T từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/3/2023).

Giao bị cáo Trần Thị Tr về UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Tr không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND (4), VKSND TX. T; (2)
- Chi cục THADS TX. T; (1)
- Công an TX. T(1)
- UBND phường H, TX. T;
- Bị cáo; (3)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga (Đã ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết P **Nguyễn Viết H2** **Bùi TH3 Th**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình L **Bùi TH3 Th** **Nguyễn Văn Thư**

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa pH. Các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần (02 lần), bị cáo Sang còn có nhân thân xấu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện phải nuôi con nhỏ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thạch Cẩm Sang 03 năm tù và bị cáo Hoàng Sỹ NgH 02 năm 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là không cao so với hậu quả hành vi mà các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo NgH không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới so với các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo được hưởng, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo. Đối với bị cáo Sang, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là gia đình bị cáo có

hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa pH xác nhận. Tuy nhiên, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thạch Cẩm Sang và bị cáo Hoàng Sỹ NgH.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 05/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố các bị cáo Thạch Cẩm Sang, Hoàng Sỹ NgH phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Thạch Cẩm Sang 03 năm tù. Thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo Thạch Cẩm Sang 15.000.000đ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Sỹ NgH 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù T từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo Thạch Cẩm Sang 12.000.000đ.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Thạch Cẩm Sang, Hoàng Sỹ NgH mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.